

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16* /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *15* tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch
và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở;

Căn cứ Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT- BNNPTNT- BTC- BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 47/TTr-SNN ngày 12 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc nhà nước tỉnh, Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn Hưng Yên; Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KTI^{LT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

**Sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ
công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2018/QĐ-UBND
ngày 15 /4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về các hoạt động của các tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến sản xuất, cung cấp và sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tại các khu vực sử dụng nước sạch tập trung do tính quản lý và các cơ quan chức năng liên quan.

Khuyến khích các đối tượng sử dụng nước từ mạng lưới cấp nước độc lập khu vực nông thôn và các thị trấn áp dụng quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Công trình cấp nước tập trung là cụm công trình gồm công trình thu nước, công trình xử lý nước để sản xuất ra nước sạch cung cấp nước cho nhân dân trên địa bàn một xã hoặc liên xã.

2. Sản xuất nước sạch là quá trình khai thác nguồn nước dưới đất (nước ngầm) hoặc nguồn nước mặt trên sông Hồng, sông Luộc qua xử lý sản xuất ra nước sạch bảo đảm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt: QCVN 02:2009/BYT (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế) trở lên.

3. Hộ sử dụng nước sạch là các hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị hành chính, các doanh nghiệp đầu nối đồng hồ, mua nước sạch của các nhà máy cấp nước tập trung.

4. Đơn vị cấp nước là các đơn vị, doanh nghiệp quản lý, vận hành, khai thác công trình cấp nước tập trung và bán nước sạch cho các hộ sử dụng nước sạch.

5. Cung cấp nước sạch là quá trình truyền tải nước sạch trên hệ thống đường ống từ công trình cấp nước tập trung tới các hộ sử dụng nước sạch.

6. Điểm đầu nối sử dụng nước là điểm lắp đặt đồng hồ đo nước của các hộ sử dụng nước sạch trên hệ thống truyền tải. Thông thường điểm đầu nối tại vị trí giáp ranh với thửa đất của hộ sử dụng nước sạch.

7. Công trình cấp nước nhỏ lẻ là những công trình cấp nước quy mô hộ gia đình, chỉ có thể cấp nước cho một hộ hoặc một vài hộ gia đình sử dụng.

8. Khu vực bảo vệ công trình cấp nước, bao gồm: Khu vực bảo vệ công trình thu nước, trạm bơm nước thô; công trình xử lý nước; hệ thống đường ống truyền tải.

9. Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt là vùng phụ cận khu vực lấy nước từ nguồn nước được quy định phải bảo vệ để phòng, chống ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt.

Điều 3. Chính sách, kế hoạch phát triển cấp nước

1. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển và quản lý hoạt động cấp nước. Các đơn vị cấp nước được nhà nước ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch phát triển cấp nước phải phù hợp với quy hoạch xây dựng chung, Quy hoạch cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hưng Yên và nhu cầu thực tế.

Chương 2 NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ CẤP NƯỚC

Điều 4. Sản xuất nước sạch

1. Chất lượng nước thô khai thác dùng để xử lý thành nước sạch đạt

a. Đối với nước mặt đạt từ cột A2, QCVN 08-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành theo Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Đối với nước dưới đất đạt QCVN 09-MT: 2015/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất ban hành theo Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Chất lượng nước sạch sau xử lý

a. Đối với nhà máy công suất dưới 1.000 m³/ngày.đêm phải đạt tiêu chuẩn QCVN 02:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế; từ năm 2020 phải đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.

b. Đối với nhà máy công suất từ 1.000 m³/ ngày.đêm phải đạt tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.

Điều 5. Điểm đầu nối

Đơn vị cấp nước phải xác định các điểm đầu nối vào mạng lưới cấp nước cho hộ sử dụng nước sử dụng nước. Các điểm đầu nối phải đặt ngay sát chỉ giới sử dụng đất hoặc chân tường rào công trình của hộ sử dụng nước trong điều kiện cho phép.

Điều 6. Chi phí xây dựng nhà máy xử lý nước và đường ống, đồng hồ đo nước

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm đầu tư đồng bộ từ nhà máy, đường ống truyền tải và phân phối đến điểm đầu nối của hộ sử dụng nước.

2. Đầu tư đồng hồ đo nước: Đơn vị cấp nước lắp đặt đồng hồ đo nước hoặc thỏa thuận với các hộ sử dụng nước việc lắp đặt đồng hồ đo nước theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quy định của UBND tỉnh Hưng Yên.

Điều 7. Di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước

Việc di dời hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước (trừ phần thuộc phạm vi của hộ sử dụng nước) do đơn vị cấp nước thực hiện trong những trường hợp sau:

1. Di dời để phù hợp với nhu cầu xây dựng, quy hoạch các công trình đô thị như: Nhà, đường, cầu cảng, công trình thoát nước, điện lực, bưu chính viễn thông, công trình chỉnh trang đô thị... theo dự án xây dựng, quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí di dời nằm trong tổng mức chi phí của dự án (Trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

2. Di dời theo yêu cầu của hộ sử dụng nước và phù hợp với các điều kiện quản lý mạng cấp nước của đơn vị cấp nước. Trường hợp này, chi phí di dời do hộ sử dụng nước chịu trách nhiệm thanh toán cho đơn vị cấp nước theo định mức, đơn giá tại thời điểm yêu cầu.

Điều 8. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước

1. Hệ thống ống dẫn nước sau đồng hồ đo nước do hộ sử dụng nước tự thiết kế, lắp đặt và phải thích hợp với các thiết bị, đường ống của đơn vị cấp nước, đảm bảo không gây sự cố, rủi ro cho đơn vị cấp nước. Trường hợp hộ sử dụng nước đề nghị đơn vị cấp nước thiết kế, lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ đo nước thì đơn vị cấp nước và hộ sử dụng nước tự thỏa thuận thực hiện.

2. Nghiêm cấm đầu chung các nguồn nước khác với nguồn nước sạch do đơn vị cấp nước cung cấp.

3. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra đồng hồ đo nước nhằm đảm bảo đồng hồ hoạt động ổn định, tránh sai số; kiểm tra đường ống sau đồng hồ, thiết bị thu, trữ nước khi có yêu cầu của hộ sử dụng nước.

Điều 9. Cấp nước khu nhà ở đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng các khu nhà ở đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ, các nhà

đầu tư hoặc các chủ đầu tư có nhu cầu về cấp nước phải có văn bản thỏa thuận về đầu nguồn cấp nước, về thiết kế, giám sát thi công với đơn vị cấp nước quản lý địa bàn sau khi đã có thỏa thuận về khớp nối hạ tầng của cơ quan quản lý nhà nước. Thời gian đơn vị cấp nước có văn bản trả lời trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thỏa thuận cấp nước của các nhà đầu tư, các chủ đầu tư.

2. Đối với khu nhà ở đô thị, khu tái định cư: Khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đơn vị cấp nước tiếp nhận ngay mạng lưới cấp nước do chủ đầu tư bàn giao và thông báo cho hộ sử dụng nước biết để ký hợp đồng dịch vụ cấp nước theo quy định.

3. Đối với các khu nhà ở công nhân, khu, cụm công nghiệp, thương mại và dịch vụ: Đơn vị cấp nước thực hiện lắp đặt đồng hồ tổng và cấp nước đến chân tường rào.

Điều 10. Cung cấp nước phòng cháy, chữa cháy

1. Đơn vị cấp nước đảm bảo cung cấp đủ áp lực, lưu lượng cho hệ thống họng, trụ cứu hỏa trên địa bàn tỉnh.

2. Các hành vi xâm phạm, gây thiệt hại đến hệ thống cấp nước phòng cháy, chữa cháy; các hành vi gây cản trở, trì hoãn việc lấy nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy sẽ bị xử lý theo Nghị định số 52/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy.

Điều 11. Tạm ngừng cung cấp nước

Đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước trong các trường hợp sau:

1. Hệ thống cấp nước bị sự cố, hư hỏng đột xuất hoặc di chuyển, sửa chữa, cải tạo theo kế hoạch hàng năm của đơn vị cấp nước. Khi có kế hoạch tạm ngừng cấp nước, đơn vị cấp nước có trách nhiệm thông báo (bằng phương tiện thông tin đại chúng hoặc tin nhắn hoặc bảng tin cấp thôn) cho hộ sử dụng nước về thời gian ngừng cấp nước và thời gian dự kiến cấp nước trở lại.

2. Theo quyết định hoặc đề nghị bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương 3 ĐỒNG HỒ ĐO NƯỚC

Điều 12. Lắp đặt đồng hồ đo nước

1. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước quy định, bên ngoài ranh giới thửa đất của hộ sử dụng nước, bảo đảm thuận tiện cho việc lắp đặt, quản lý, kiểm tra ghi thu và bảo vệ an toàn đồng hồ. Đơn vị cấp nước thực hiện việc lắp đặt đồng hồ đo nước. Mỗi hộ sử dụng nước chỉ được lắp đặt 01 đồng hồ đo nước riêng.

2. Hồ sơ lắp đặt đồng hồ đo nước gồm:

- Đơn đề nghị cấp nước.

- Đơn đề nghị lắp đặt mới đồng hồ đo nước.
- Biên bản bàn giao đồng hồ đo nước.
- Một trong các loại bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan sau:
 - + Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước của chủ hộ sử dụng nước;
 - + Sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của cơ quan công an;
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
 - + Hợp đồng thuê nhà, đất tại điểm đề nghị cấp nước;
 - + Giấy thành lập cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Thời gian giải quyết việc lắp đặt đồng hồ đo nước trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ của hộ sử dụng nước (không tính thời gian xin phép đào đường, vỉa hè hoặc thời gian khắc phục trở ngại khách quan trong thi công).

Điều 13. Bảo quản đồng hồ đo nước

1. Bảo quản đồng hồ đo nước

a) Hộ sử dụng nước có trách nhiệm bảo vệ, bảo quản đồng hồ đo nước và các niêm chì.

b) Nghiêm cấm các hành vi tự ý đục phá, xê dịch vị trí, nâng, hạ, sửa chữa, thay đổi cỡ, loại, tự ý tháo gỡ, điều chỉnh đồng hồ đo nước.

c) Các hành vi phá hoại đồng hồ đo nước, ăn cắp nước quy định tại Điều 24, Quy định này sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp Luật.

2. Thay đồng hồ đo nước

a) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, chỉ có đơn vị cấp nước mới được quyền sửa chữa, thay thế đồng hồ mới; chịu trách nhiệm kiểm định đồng hồ đo nước.

b) Trường hợp mất đồng hồ đo nước, hư hỏng đồng hồ đo nước do lỗi của hộ sử dụng nước, đơn vị cấp nước thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do hộ sử dụng nước thanh toán theo thỏa thuận.

c) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng hoặc vì lý do khách quan mà chì niêm phong bị đứt, hộ sử dụng nước phải thông báo ngay cho đơn vị cấp nước biết để tiến hành kiểm tra, bám chì hoặc thay đồng hồ đo nước khác. Chi phí thay thế đồng hồ đo nước do đơn vị cấp nước thanh toán.

Điều 14. Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước

1. Hộ sử dụng nước có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước khi nghi ngờ đồng hồ đo nước chạy không chính xác. Đồng hồ đo nước được xem là vẫn chạy chính xác nếu kết quả kiểm tra, kiểm định có sai số không vượt quá $\pm 5\%$ lượng nước thực tế qua đồng hồ đo nước.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của hộ sử dụng nước, đơn vị cấp nước phải tiến hành kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước.

Việc kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước phải có sự chứng kiến của hộ sử dụng nước và được lập biên bản ghi rõ nội dung sự việc. Biên bản được lập 02 bản, đơn vị cấp nước giữ 01 bản, hộ sử dụng nước giữ 01 bản.

3. Kết quả kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước được giải quyết như sau

a) Nếu độ sai số của đồng hồ đo nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép $\pm 5\%$ khối lượng nước phát sinh trong tháng thì hộ sử dụng nước yêu cầu kiểm tra, kiểm định và phải chịu chi phí kiểm tra, kiểm định.

b) Nếu sai số vượt quá giới hạn cho phép $\pm 5\%$ khối lượng nước phát sinh trong tháng thì hộ sử dụng nước yêu cầu đơn vị cung cấp nước kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước. Đồng hồ đo nước bị hỏng đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho hộ sử dụng nước, đồng thời, phải hoàn trả lại cho hộ sử dụng nước số tiền nước đã thu tương ứng với sai số lượng nước chạy nhanh (theo kết quả kiểm định) trong kỳ hóa đơn hộ sử dụng nước có yêu cầu kiểm định đồng hồ đo nước. Trường hợp đồng hồ đo nước chạy chậm vượt quá giới hạn sai số cho phép thì đơn vị cấp nước phải thay đồng hồ đo nước cho hộ sử dụng nước; hộ sử dụng nước không phải thanh toán thêm cho đơn vị cấp nước số tiền tương ứng với lượng nước do đồng hồ đo nước chạy chậm.

4. Ghi chỉ số đồng hồ đo nước

a) Trường hợp chỉ số đồng hồ đo nước bị ghi sai lệch dẫn đến việc tính không chính xác lượng nước sử dụng cho hộ sử dụng nước, thì đơn vị cấp nước phải thông báo cho hộ sử dụng nước biết lượng nước sai lệch và sẽ điều chỉnh vào kỳ hóa đơn tiếp theo.

b) Trường hợp đồng hồ đo nước bị hư hỏng, hoặc vì những lý do khác mà đơn vị cấp nước không thể ghi được chỉ số đồng hồ đo nước thì lượng nước sử dụng trong kỳ hóa đơn được tính theo phương pháp trung bình cộng của hóa đơn tiền nước 02 tháng liền kề trước đó; trong vòng một tháng đơn vị cấp nước có trách nhiệm khắc phục để đọc được chỉ số đồng hồ, kể cả việc thay đồng hồ khác.

5. Đơn vị cấp nước xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước theo định kỳ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của đồng hồ đo nước.

6. Trường hợp hộ sử dụng nước không nhất trí với kết quả kiểm định của đơn vị cấp nước thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước ở địa phương tổ chức kiểm định độc lập theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 50 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Chương 4

GIÁ NƯỚC SẠCH

Điều 15. Giá nước sạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với chi phí sản xuất, hài hòa lợi ích giữa các bên, phù hợp với khung giá do Bộ Tài chính ban hành.

2. Giá bán buôn nước do đơn vị cấp nước bán buôn và đơn vị cấp nước bán lẻ tự thỏa thuận. Trong trường hợp không thống nhất được mức giá thì một trong hai bên (hoặc cả hai bên) có quyền yêu cầu Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp giá nước tối đa do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thấp hơn giá bán nước sạch đã được tính đúng, tính đủ do đơn vị cấp nước lập và Sở Tài chính thẩm định theo quy định thì hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp bù từ ngân sách tỉnh hoặc thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước.

Điều 16. Điều chỉnh giá nước

Khi có sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan hoặc giá cả thị trường biến động lớn làm giá nước sạch tăng (hoặc giảm) thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt điều chỉnh giá nước sạch cho phù hợp.

Chương 5

SỬ DỤNG VÀ THANH TOÁN TIỀN NƯỚC

Điều 17. Trách nhiệm và quyền lợi của hộ sử dụng nước

1. Sử dụng nước tiết kiệm, đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước đã ký kết với đơn vị cấp nước và theo Quy định này.

2. Bảo vệ các công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước; không gây trở ngại cho việc quản lý và khai thác đường ống nước.

3. Thanh toán đầy đủ các chi phí sử dụng nước theo quy định của đơn vị cấp nước.

4. Thông báo kịp thời cho đơn vị cấp nước về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp và sử dụng nước để xử lý và trả lời theo thẩm quyền.

5. Hộ sử dụng nước có các quyền lợi được quy định tại Khoản 1, Điều 56 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 18. Cách tính lượng nước sử dụng

1. Lượng nước sử dụng bằng hiệu số của chỉ số đồng hồ đo nước giữa hai kỳ đọc. Đơn vị để tính lượng nước sử dụng là mét khối (m^3). Việc đọc chỉ số đồng hồ đo nước theo chu kỳ quản lý của đơn vị cấp nước.

2. Hộ sử dụng nước có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên đơn vị cấp nước đọc và ghi chỉ số nước, kiểm tra đồng hồ đo nước và tình hình sử dụng nước theo yêu cầu của công tác quản lý.

Điều 19. Thay đổi mục đích sử dụng nước

1. Hộ sử dụng nước có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại với đơn vị cấp nước để áp giá tiêu thụ nước phù hợp với mục đích sử dụng nước thực tế.

2. Trường hợp hộ sử dụng nước sử dụng nước không chỉ cho sinh hoạt mà còn cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác thì lượng nước sử dụng sẽ được tính cho sản xuất, kinh doanh hoặc mục đích khác.

3. Trường hợp hộ sử dụng nước thay đổi mục đích sử dụng nước mà không đăng ký lại với đơn vị cấp nước thì đơn vị cấp nước được quyền áp giá tiêu thụ nước theo mục đích sử dụng thực tế kể từ kỳ đơn vị cấp nước phát hiện hộ sử dụng nước thay đổi mục đích sử dụng nước và có văn bản thông báo đến hộ sử dụng nước.

4. Trường hợp hộ sử dụng nước chuyển giao quyền sử dụng đồng hồ đo nước cho hộ sử dụng nước khác thì hộ sử dụng nước mới phải ký kết lại hợp đồng dịch vụ cấp nước với đơn vị cấp nước.

5. Trường hợp hộ gia đình, đơn vị, tổ chức được chia tách thành nhiều chủ thể sử dụng khác nhau thì mỗi chủ thể sử dụng thuộc hộ gia đình, đơn vị, tổ chức đó đều có quyền sử dụng chung đồng hồ nước đã được lắp đặt cho đến khi được lắp đặt đồng hồ đo nước riêng.

Điều 20. Thanh toán tiền sử dụng nước

1. Hộ sử dụng nước có trách nhiệm thanh toán đầy đủ tiền nước khi nhận được hóa đơn tiền nước hoặc giấy báo nộp tiền trong thời hạn 03 ngày do đơn vị cấp nước quy định. Địa điểm nhận hóa đơn và địa điểm thanh toán do đơn vị cấp nước quy định nhưng phải đảm bảo cùng thuộc phạm vi hành chính cấp xã với hộ sử dụng nước. Tiền nước có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Sau thời hạn trên, hộ sử dụng nước vẫn chưa thanh toán tiền nước thì đơn vị cấp nước sẽ gửi giấy báo thanh toán tiền nước lần cuối. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận giấy báo lần cuối mà hộ sử dụng nước chưa thanh toán, đơn vị cấp nước có quyền tạm ngừng cung cấp nước cho đến khi hộ sử dụng nước thanh toán đầy đủ tiền nước theo giấy báo và cung cấp nước trở lại sau khi lý do tạm ngừng cấp nước đã được khắc phục. Chi phí cho việc tạm ngừng và cung cấp nước trở lại sẽ do hộ sử dụng nước chi trả cho đơn vị cấp nước.

Chương 6

BẢO VỆ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC

Điều 21. Bảo vệ hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước

1. Hành lang an toàn đường ống cấp nước được áp dụng theo Mục 8 Tiêu chuẩn Việt Nam ống dẫn, mạng lưới và công trình trên mạng - TCXDVN 33:2006 cấp nước mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD ngày 17 tháng 3 năm 2006 của Bộ Xây dựng.

Hành lang an toàn bảo vệ các giếng khai thác nước, trạm xử lý, trạm bơm, bể chứa và các công trình cấp nước theo quy định tại Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng.

2. Trong hành lang bảo vệ an toàn công trình cấp nước, nghiêm cấm những hành vi sau:

a) Xây dựng nhà cửa, lều lán, rào chắn, vật kiến trúc, kho tàng, bến bãi, biển quảng cáo hay bất cứ công trình nào (kể cả xây dựng tạm thời).

b) Dừng, đỗ, lưu thông các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe cơ giới chuyên dùng... có tải trọng vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định. Trường hợp phương tiện vượt quá tải trọng chịu tải của đường ống theo quy định, muốn đi qua phải làm cầu chịu tải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Xả rác, chất thải, các loại hóa chất, đổ đất, đá, phế thải, vật liệu xây dựng.

d) Đào bới, lầy đất đá và các loại vật liệu thuộc hành lang an toàn đường ống và công trình cấp nước.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khi khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình khác có liên quan đến công trình cấp nước, hành lang và khu vực an toàn công trình cấp nước phải có sự thỏa thuận với đơn vị cấp nước và tuân thủ Quy định này.

4. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trước khi thi công các công trình có ảnh hưởng đến hành lang, khu vực an toàn công trình cấp nước phải tuân theo các quy định sau:

a) Có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền.

b) Trực tiếp liên hệ với đơn vị cấp nước có liên quan về việc thi công.

c) Chỉ được khởi công khi đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, đảm bảo an toàn cho các công trình cấp nước có liên quan.

d) Khôi phục lại nguyên trạng các khu vực đã bị thay đổi sau khi đã hoàn thành công việc.

Điều 22. Bảo vệ khu xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước

1. Đơn vị cấp nước phải xây dựng tường rào bảo vệ khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước.

2. Đơn vị cấp nước phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ đảm bảo vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước phục vụ cho khai thác, xử lý.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến sự an toàn, vệ sinh của nhà máy nước, khu vực xử lý nước, trạm bơm, giếng khai thác nước và các hồ chứa nước, phục vụ cho khai thác, xử lý.

Điều 23. Bảo vệ mạng lưới cấp nước, các công trình phụ trợ khác

1. Hộ sử dụng nước có trách nhiệm cùng đơn vị cấp nước bảo vệ hệ thống ống dẫn nước, điểm đầu nối trước đồng hồ đo nước; khi phát hiện sự cố, các trường hợp rò rỉ nước từ mạng lưới đường ống cấp nước, hộ sử dụng nước có trách nhiệm báo ngay cho đơn vị cấp nước.

2. Nghiêm cấm hành vi tự ý đục tuyến ống nước thô hoặc đường ống truyền tải nước sạch; sử dụng nước trước đồng hồ đo nước, làm sai lệch đồng hồ đo nước; tự ý thay đổi vị trí, cỡ, loại đồng hồ đo nước; gỡ niêm phong, niêm chì của thiết bị đo đếm nước không đúng quy định; các hành vi gây hư hại cho các

công trình cấp nước phụ trợ, các thiết bị đi kèm các công trình cấp nước do đơn vị cấp nước quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm gây thiệt hại đến công trình và mạng lưới cấp nước phải chịu mọi phí tổn về việc sửa chữa, khắc phục hậu quả và bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; nếu gây hậu quả nghiêm trọng có thể bị xử lý hình sự theo quy định.

Chương 7

HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 24. Các hành vi bị cấm trong hoạt động cấp nước

Quy định tại Điều 10, Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp sử dụng và bảo vệ công trình cấp nước tập trung thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại đến tài sản hoặc lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước, hộ sử dụng nước hoặc các đối tượng khác liên quan.

2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại khoản 1 của Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về sản xuất, cung cấp sử dụng và bảo vệ công trình cấp nước tập trung còn bị cấm sản xuất, cung cấp hoặc sử dụng nước sạch.

3. Thẩm quyền xử lý vi phạm

Tùy theo mức độ vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã ban hành Quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền theo quy định hiện hành.

Chương 8

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a. Tổ chức lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và soát Quy hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn; tham mưu trình Ủy ban nhân dân

tính xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch cấp nước sạch khu vực nông thôn theo Quy hoạch cấp nước được phê duyệt.

b. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định sản xuất, cung cấp và tiêu thụ và bảo vệ công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn;

- Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị cấp nước lập phương án giá nước theo Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

- Thực hiện nghiêm Kế hoạch đảm bảo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch khu vực nông thôn;

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước chính và vị trí các công trình đầu mối cấp nước trên địa bàn tỉnh.

c) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất tình hình hoạt động cấp nước sạch nông thôn về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sản xuất, cung cấp, tiêu thụ và bảo vệ công trình cấp nước khu vực đô thị, khu kinh tế và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là khu đô thị), có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển cấp nước khu đô thị và khu công nghiệp;

b) Hướng dẫn việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế đảm bảo an toàn cấp nước trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

d) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện hoạt động cấp nước tại đô thị và khu công nghiệp;

đ) Tổng hợp, báo cáo hằng năm và đột xuất về tình hình hoạt động cấp nước sạch khu đô thị, khu công nghiệp về Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định giá nước tối đa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện quyết định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh; phương án cấp bù giá nước từ ngân sách tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách đầu tư sử dụng nước, mua nước sạch;

d) Hướng dẫn và thực hiện quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước sạch do doanh nghiệp nhà nước quản lý.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó bao gồm các dự án đầu tư phát triển cấp nước, có trách nhiệm:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành lập danh mục các công trình cấp nước và xây dựng chính sách ưu đãi đầu tư liên quan đến hoạt động sản xuất, phân phối và tiêu thụ nước sạch, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Y tế là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sức khỏe cộng đồng, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy định của ngành Y tế liên quan đến các hoạt động cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra và giám sát chất lượng nước sạch của các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn theo quy định của Bộ Y tế; khi kiểm tra phải lấy mẫu nước tại các hộ dân; kết quả kiểm tra gửi các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý chất lượng nước của mình;

c) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn chống thất thoát, thất thu nước sạch tỉnh Hưng Yên về chất lượng nước sạch của các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho các đơn vị cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh. Không cấp phép thăm dò, khai thác nước cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khai thác sử dụng nước khác.

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh việc thu phí tài nguyên nước, phí nước thải theo quy định;

c) Quản lý việc sử dụng đất của các tổ chức khi xây dựng các công trình cấp nước dựa trên nhu cầu thực tế và yêu cầu phát triển từng giai đoạn theo quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt;

d) Trên cơ sở đồ án quy hoạch cấp nước đã được phê duyệt, bổ sung vào kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và tổ chức quản lý bảo vệ quỹ đất đã được xác định phục vụ cho các công trình cấp nước;

đ) Chủ trì phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ đánh giá chất lượng nước thô khai thác để sản xuất nước sạch đối với các đơn vị cấp nước;

e) Xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

7. Công an tỉnh

a) Phối hợp, hướng dẫn các đơn vị cấp nước bảo vệ an ninh các mục tiêu trọng yếu về cung cấp nước sạch;

b) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát môi trường phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện phòng ngừa, phát hiện, điều tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi làm ô nhiễm nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của nhân dân.

c) Quản lý, sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC)

- Kiểm tra chất lượng, chủng loại, mẫu mã vật tư, thiết bị phòng cháy chữa cháy chuyên dùng trên hệ thống cấp nước chữa cháy trước khi lắp đặt;

- Nhận bàn giao quản lý sử dụng có hiệu quả hệ thống cấp nước PCCC đô thị, khu công nghiệp; phối hợp bảo vệ các trụ cấp nước chữa cháy;

- Phối hợp với các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống cấp nước PCCC (đơn vị cấp nước, đơn vị quản lý hạ tầng) xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC; dự kiến kế hoạch sử dụng nước cần thiết cho công tác PCCC hàng năm; xác nhận số lượng nước đã sử dụng cho công tác PCCC từ hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp làm cơ sở thanh toán tiền sử dụng nước thực tế cho đơn vị cấp nước.

8. Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Hưng Yên; Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu đại học Phố Hiến

a) Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ các công trình cấp nước;

c) Chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, các dự án công trình hạ tầng cấp nước trên địa bàn, kịp thời giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án cấp nước;

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố ký thỏa thuận cung cấp dịch vụ với các đơn vị cấp nước sạch trên địa bàn; giám sát hoạt động cung cấp nước theo thỏa thuận đã ký.

e) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính về cấp nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Sản xuất, kinh doanh nước sạch theo phân vùng được cấp, theo quy hoạch được duyệt; nghiêm chỉnh chấp hành quy định của nhà nước và các quy

định của tỉnh về sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch và bảo vệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh.

Có trách nhiệm lập phương án giá bán nước sạch theo các quy định hiện hành trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, thẩm định, trình phê duyệt.

2. Lập thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ban Quản lý khu công nghiệp trên địa bàn theo nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ.

3. Tham gia ý kiến vào quy hoạch, kế hoạch xây dựng phát triển hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

4. Lập kế hoạch cấp nước an toàn, xây dựng lộ trình triển khai kế hoạch cấp nước an toàn. Nội dung của kế hoạch cấp nước an toàn được quy định tại Thông tư số 08/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn.

5. Phối hợp với Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng phương án quản lý, sử dụng hệ thống cấp nước PCCC.

6. Cung cấp nước sạch đảm bảo theo quy chuẩn, tiêu chuẩn nước sạch hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước của mình.

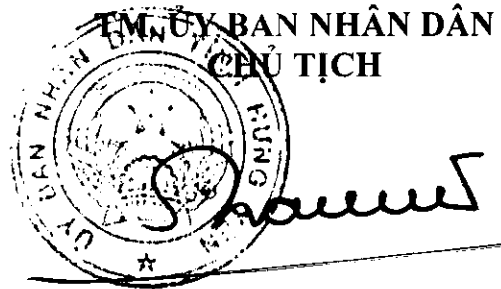
7. Trang bị máy móc thiết bị xét nghiệm nước, tự tổ chức kiểm tra chất lượng nước theo các Quy chuẩn: QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống ban hành kèm theo Thông tư số 04/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế; QCVN 02:2009/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế. Trường hợp không trang bị thiết bị xét nghiệm nước thì ký hợp đồng xét nghiệm nước với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hưng Yên hoặc các phòng xét nghiệm có đầy đủ chức năng theo quy định.

8. Báo cáo định kỳ hàng tháng kết quả xét nghiệm mẫu nước về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thuộc địa bàn cấp nước của đơn vị; trường hợp mẫu nước không đạt tiêu chuẩn quy định thì phải có trách nhiệm xử lý ngay.

9. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và bảo vệ môi trường; bảo vệ an toàn nguồn cấp nước, xây dựng đới phòng hộ vệ sinh khu vực lấy nước, hệ thống công trình cấp nước theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; kê khai và nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Điều 28. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các tổ chức, đơn vị, cá nhân có văn bản phản ánh gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định././



Nguyễn Văn Phóng